

Bản án số: 05/2024/HS-PT  
Ngày 02 tháng 01 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Ngô Mạnh Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023 và ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 271/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Chí D và 07 bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của 03 người bị hại và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Ngô Chí D**, sinh ngày 02/11/1960 tại tỉnh Lào Cai; Chỗ ở: Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu và Công ty Minh Hiếu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Tĩnh (chết) và bà Trịnh Thị Dư (chết); Có vợ tên là Lê Thị H (bị cáo trong vụ án) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019 tại ngoại, tạm giam lại từ ngày 02/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Thị H**, sinh ngày 18/10/1964 tại tỉnh Kiên Giang; Đăng ký hộ khẩu: Số 1401 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Minh Hiếu, Phó Giám đốc Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thiện Tứ (chết) và bà Trương Thị Hoa (chết); Có chồng tên là Ngô Chí D (bị cáo trong vụ án) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

**3. Nguyễn Thị U**, sinh ngày 10/01/1983 tại tỉnh Bến Tre; Đăng ký hộ khẩu: Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, Thủ quỹ Công ty Minh Hiếu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Phó (chết) và bà Nguyễn Thị Muồng (chết); Có chồng tên là Nguyễn Anh T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**4. Huỳnh Hồng B**, sinh năm 1976 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 12, khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Ngọc An và bà Chiêm Thị Tư; Có vợ tên là Phạm Thị Tuyết Hạnh và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giam từ ngày 05/12/2020 đến ngày 28/3/2022 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Thị S**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đẹp và bà Võ Thị Phấn; Có chồng tên là Đỗ Minh Đ (bị cáo trong vụ án) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

**6. Đỗ Minh Đ**, sinh ngày 02/9/1990 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Công ty Minh Hiếu và hộ kinh doanh Nguyễn Thị Út; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Thanh Nhanh và bà Cao Kim Thúy; Có vợ tên là Nguyễn Thị S (bị cáo trong vụ án) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 18-QĐ/UBKTTU ngày 12/10/2021 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Bạc Liêu; Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Trạch đã bị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, nhiệm kỳ 2021-2026 theo Quyết định số 04/QĐ-HĐND ngày 15/11/2021 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

**7. Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>**, sinh ngày 23/6/1975 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp Thạnh Tiến, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Buôn và bà Ngô Thị Hiếu; Có vợ tên là Phan Thị Nồng và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật (Đảng Viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 24 – QĐ/UBKTHU ngày 20/01/2017 của Ủy ban Kiểm tra Huyện Ủy huyện

An Minh, tỉnh Kiên Giang); Bị tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**8. Lê Tiến D<sup>1</sup>**, sinh năm 1960 tại tỉnh Bạc Liêu; Đăng ký hộ khẩu: Khóm 5, Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Ấp 2, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Lộc (chết) và bà Nguyễn Thị Bảy (chết); Có vợ tên là Đỗ Thúy Lan và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị tạm giữ từ ngày 03/12/2021 đến ngày 06/12/2021 tại ngoại đến nay, vắng mặt tại phiên tòa (Bị cáo có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bào chữa cho các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ:* Các luật sư: Trần Hải Đức, Tào Văn Dũng và Bùi Ghi Phong – Văn phòng Luật sư Trần Hải Đức thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Cả 03 luật sư đều có mặt);

- *Bào chữa chỉ định cho bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H:* Luật sư Hồ Hoài Nhân – Công ty Luật Trường Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- *Bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>:* Luật sư Trần Văn Độ – Văn phòng Luật sư Trần Độ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang (Có mặt);

- *Bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị S và bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup>:* Luật sư Trần Duy Lượng và luật sư Đỗ Hồi Khanh, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Trần Duy Lượng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Cả 02 luật sư đều có mặt);

- *Bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> và bị cáo Đỗ Minh Đ:* Luật sư Phạm Ngọc Linh, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Việt Đông Á thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- *Bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị U và bị cáo Huỳnh Hồng B:* Luật sư Phạm Văn Sơn, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn PVS thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt buổi sáng, vắng mặt buổi chiều ngày 26/12/2023 và ngày 02/01/2024);

*Người bị hại có kháng cáo:*

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Viết tắt BIDV); Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của BIDV:* Ông Phạm Bá Sang và bà Thạch Thị Na Rinh (Văn bản ủy quyền số 1483/QĐ-BIDV.BL ngày 06/12/2022) – Ông Sang và bà Rinh đều có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV:* Luật sư Trần Minh Hải và luật sư Nguyễn Thị Ngọc Anh, Công ty Luật Ngân hàng – Chứng khoán – Đầu tư Basico thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (02 luật sư có mặt);

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Viết tắt ACB);

Địa chỉ: Số 2/20 Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của ACB:* Bà Huỳnh Thị Bích Trâm (Văn bản ủy quyền số 1206/UQ-QLN.22 ngày 20/11/2022) – Có mặt;

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (Viết tắt ABBANK);

Địa chỉ: Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của ABBANK:* Ông Đào Văn Sắt, ông Phạm Thanh Tùng và ông Ngô Trí Lam (Văn bản ủy quyền số 568/UQ-TGĐ.23 ngày 10/8/2023 và Văn bản ủy quyền số 569/UQ-TGĐ.23 ngày 10/8/2023) – Ông Đào Văn Sắt có mặt, ông Phạm Thanh Tùng và Ngô Trí Lam vắng mặt;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần, Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu (Viết tắt BIDV Bạc Liêu); Địa chỉ: Số 169A đường 23/8, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

*Người đại diện hợp pháp của BIDV Bạc Liêu:* Ông Phạm Bá Sang và bà Thạch Thị Na Rinh (Văn bản ủy quyền số 1483/QĐ-BIDV.BL ngày 06/12/2022) – Ông Sang và bà Rinh đều có mặt;

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh tỉnh Cà Mau (Viết tắt ACB Cà Mau); Địa chỉ: Số 3A Hùng Vương, Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

*Người đại diện hợp pháp của ACB Cà Mau:* Ông Nguyễn Tuấn Kiệt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu (Viết tắt ABBANK Bạc Liêu); Địa chỉ: Số 160A Quốc lộ 1A, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

*Người đại diện hợp pháp của ABBANK Bạc Liêu:* Ông Nguyễn Văn Cho (Văn bản ủy quyền số 693/UQ-TGĐ.22 ngày 26/12/2022) – Có văn bản xin vắng mặt;

- Công ty Điện Lạnh Sài Gòn;

Địa chỉ: Số 144, Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của Công ty Điện Lạnh Sài Gòn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1953 – Vắng mặt;

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

- Bà Nguyễn Thúy L<sup>1</sup>, sinh năm 1988 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phước Điền, xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Hoàng Đình T<sup>1</sup>, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Lê Thanh H<sup>1</sup>, sinh năm 1978 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Gành Hào 1, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

- Ông Hoàng Văn T<sup>2</sup>, sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;  
Chỗ ở: Ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Trương Thiện K, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 525 Lê Hồng Phong, phường Cam Lộ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Ngô Văn M – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 265 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn kinh doanh, chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Minh Hiếu được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900280217, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 03/12/2009 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Hiếu (sau đây viết tắt là Công ty Minh Hiếu). Theo giấy đăng ký kinh doanh thì vốn điều lệ là 50.400.000.000 đồng. Trong đó: Ngô Chí D góp 43% là 21.672.000.000 đồng, Lê Thị H góp 43% là 21.672.000.000 đồng, Trương Thiện K góp 06% là 3.024.000.000 đồng, Huỳnh Hồng B góp 06% là 3.024.000.000 đồng và Nguyễn Thị U góp 02% là 1.008.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật là Lê Thị H – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc: Ngô Chí D, Kế toán Trưởng: Từ Hữu P (từ năm 2005 đến tháng 7/2010), Huỳnh Hồng B (từ 7/2010 đến 9/2011), Lê Tiến D<sup>1</sup> (9/2011 đến 9/2012); Thủ quỹ: Nguyễn Thị U. Ngoài vợ chồng Ngô Chí D – Lê Thị H ra, những người còn lại đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh đều là người làm thuê cho Ngô Chí D và thực tế họ không có góp vốn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Minh Đại được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6004000015, đăng ký lần đầu ngày 17/8/2007 do Ngô Chí D là người đại diện theo pháp luật; Có 08 lần thay đổi; Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 11/7/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hiếu Bạc Liêu (sau đây viết tắt là Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu); Đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 23/4/2012, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Theo giấy đăng ký kinh doanh thì vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng. Trong đó: Nguyễn Thị U góp 87% là 43.500.000.000 đồng, Trương Thiện K góp 05% là 2.500.000.000 đồng, Hoàng Văn T<sup>2</sup> góp 03% là 1.500.000.000 đồng, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> góp 03% là 1.500.000.000 đồng và Lê Thanh H<sup>1</sup> góp 02% là 1.000.000.000 đồng. Tất cả những người đứng tên cổ đông chỉ là người làm công cho vợ chồng Ngô Chí D – Lê Thị H, thực tế họ không có góp vốn. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị U – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, các Phó Giám đốc: Ngô Chí D, Lê Thị H và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Đ<sup>1</sup> còn kiêm Kế toán Trưởng. Từ năm 2012 đến năm 2015, Ngô Chí D phân công Nguyễn Thị U làm Thủ quỹ.

Ngoài hai công ty trên, Ngô Chí D còn thành lập và chỉ đạo thành lập các công ty, hộ kinh doanh cho người làm thuê đứng tên về pháp lý, nhưng thực chất tài sản và mọi hoạt động, điều hành đều do Ngô Chí D và Lê Thị H quyết định, đồng thời Ngô Chí D còn đứng tên, cụ thể:

- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hiếu (tên đăng ký kinh doanh lần đầu là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Thủy sản Bình Hưng); địa chỉ: 1401 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312115976 ngày 09/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Người đại diện theo pháp luật là Hoàng Đình T<sup>1</sup> – Tổng Giám đốc.

- Chi nhánh Bạc Liêu Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hiếu; địa chỉ: Số 231/85G Dương Bá Trạc, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312562847 ngày 09/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Người đứng đầu Chi nhánh là Ngô Chí D.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy sản Minh Tân; địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900624549 ngày 11/5/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp; Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Anh T – Giám đốc.

- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U, thành lập ngày 20/7/2011, chủ hộ kinh doanh là Nguyễn Thị Út; địa chỉ: Số 307/A Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Hộ kinh doanh Ngô Chí D, thành lập lần đầu ngày 23/7/2012, thay đổi lần 1, ngày 09/8/2012, chủ hộ kinh doanh là Ngô Chí D; địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình hoạt động kinh doanh, Ngô Chí D và Lê Thị H có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu (sau đây viết tắt là ABBANK Bạc Liêu); Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau (sau đây viết tắt là ACB Cà Mau); Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu (sau đây viết tắt là BIDV Bạc Liêu), ... Khi thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngô Chí D và Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bán hết số tôm đông lạnh đã thế chấp. Từ đó, ngày 01/3/2012, Giám đốc ACB Cà Mau tố cáo Ngô Chí D và Lê Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 12/6/2013, Giám đốc BIDV Bạc Liêu tố giác Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu và ngày 29/8/2013, Tổng Giám đốc ABBANK tố giác Công ty Minh Hiếu có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của ABBANK Bạc Liêu, ACB Cà Mau và BIDV Bạc Liêu, Ngô Chí D và Lê Thị H chỉ đạo Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị U, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ thực hiện thủ đoạn gian dối, bằng các hành vi sau:

*Hành vi lập báo cáo tài chính của Công ty từ kinh doanh lỗ thành lãi để cung cấp cho các Ngân hàng làm cơ sở cấp tín dụng:*

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Minh Hiếu (đã được kiểm toán) xác định hàng tồn kho 27.892.900.284 đồng, các khoản phải thu của khách hàng 15.378.235.871 đồng, kinh doanh lỗ 52.777.778.896 đồng, nhưng Ngô Chí D chỉ đạo Kế toán Trưởng Huỳnh Hồng B nâng khống giá trị hàng tồn kho lên 86.333.854.902 đồng, các khoản phải thu 23.194.664.969 đồng, kết quả kinh doanh lãi 3.388.742.979 đồng để cung cấp cho ABBANK Bạc Liêu, ACB Cà Mau xem xét cấp tín dụng.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu (đã được kiểm toán) xác định hàng tồn kho 24.281.228.552 đồng, các khoản phải thu của khách hàng 2.773.130.410 đồng, kinh doanh lỗ 17.313.781.471 đồng, nhưng Ngô Chí D chỉ đạo Kế toán Trưởng Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> nâng khống giá trị hàng tồn kho lên 44.908.483.249 đồng, các khoản phải thu 17.989.524.832 đồng, kết quả kinh doanh lãi 4.605.509.932 đồng để cung cấp cho BIDV Bạc Liêu xem xét cấp tín dụng.

*Hành vi thế chấp một hàng hóa tồn kho (tôm đông lạnh) cho nhiều Ngân hàng khác nhau để được vay tiền, trong khi không thuộc quyền sở hữu của Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, cụ thể:*

Ngày 16/12/2010 Lê Thị H đại diện cho Công ty Minh Hiếu ký Hợp đồng số 0066/10/TC/IX thế chấp ABBANK Bạc Liêu “Hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá 135% dư nợ tại mọi thời điểm nhưng không vượt quá 3,375 triệu USD”.

Ngày 25/02/2011, Lê Thị H đại diện Công ty Minh Hiếu ký Hợp đồng số CAM.BDDN.01250211 thế chấp với ACB Cà Mau thế chấp hàng hóa tồn kho tôm đông lạnh trị giá 30.000.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2011, Ngô Chí D đại diện Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu ký Hợp đồng số 81/2011/HĐ thế chấp với BIDV Bạc Liêu thế chấp hàng hóa tồn kho tôm đông lạnh 121.306 Kg trị giá 31.630.309.575 đồng.

Đối với hàng hóa tồn kho mà Lê Thị H, Ngô Chí D dùng để thế chấp cho các ngân hàng nêu trên không thuộc quyền sở hữu của Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu. Bởi vì, ngoài việc nâng khống giá trị ra, đối với hàng hóa còn lại Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đã bán cho các đối tác, đã nhận tiền, hàng hóa nhận gia công, hàng hóa nhận ký gửi.

*Hành vi sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) khống, hóa đơn GTGT có giá trị chênh lệch và dùng một hóa đơn GTGT cung cấp cho nhiều ngân hàng làm căn cứ giải ngân:*

Theo quy định của các ngân hàng, đối với doanh nghiệp thì không giải ngân tiền vay trực tiếp cho bên vay, mà phải giải ngân vào tài khoản cho đối tượng thụ hưởng căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng, giao dịch với doanh nghiệp. Thời điểm này Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu chỉ hoạt động “cầm chừng”, không đáp ứng được yêu cầu của các ngân hàng đặt ra, trong khi số tiền các ngân hàng giải ngân theo hạn mức hợp đồng đã ký thì rất lớn. Từ đó, Ngô Chí D thành lập nhiều công ty và hộ kinh doanh cá thể nhằm xuất hóa đơn bán hàng khống, chứng minh mục đích sử dụng vốn vay để cung cấp cho các ngân hàng làm căn cứ giải ngân. Do đó, Ngô Chí D chỉ đạo nhân viên lập, xuất hóa đơn GTGT khống, như: Viết khống giá trị hàng hóa trên hóa đơn, sau khi cung cấp cho ngân hàng thì lập biên bản hủy hóa đơn đã viết; Photocopy hóa đơn GTGT (chưa ghi nội dung), rồi viết khống

giá trị hàng hóa trên hóa đơn đã photocopy với giá trị rất cao so với bản gốc lưu; đồng thời còn sử dụng một hóa đơn (các loại vừa nêu) cung cấp cho nhiều ngân hàng để làm căn cứ cho ngân hàng giải ngân. Khi đạt được mục đích chiếm đoạt, vợ chồng Ngô Chí D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến hạn cho ngân hàng. Sau đó, Ngô Chí D sử dụng Công ty khác của Ngô Chí D rồi thay đổi người đại diện theo pháp luật để tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của ngân hàng khác bằng thủ đoạn tương tự như trên.

Thông qua các thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2012; Ngô Chí D và Lê Thị H cùng đồng phạm đã chiếm đoạt tổng số tiền của các ngân hàng là 67.052.227.315 đồng. Cụ thể như sau:

### **1. Đối với ABBANK Bạc Liêu:**

Ngày 16/12/2010, Lê Thị H và ABBANK Bạc Liêu ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0066/10/TD/IX, khoản vay tối đa là 3.500.000 USD, thời hạn 12 tháng. Mục đích: Hạn mức tài trợ xuất khẩu 2.500.000 USD, hạn mức chiết khấu 1.000.000 USD. Tài sản thế chấp: Trị giá hàng tồn kho và các khoản phải thu là 135%, dư nợ tại mỗi thời điểm nhưng không quá 3.375.000 USD; Máy móc, thiết bị nhà xưởng, nhà kho, giá trị 8.340.000.000 đồng.

Từ ngày 07/01/2011 đến ngày 14/12/2011, ABBANK Bạc Liêu đã giải ngân cho Công ty Minh Hiếu 89 hợp đồng (giấy nhận nợ) với tổng số tiền là 148.834.635.080 đồng và 3.992.800 USD. Công ty Minh Hiếu đã tất toán được 47 hợp đồng, còn lại 42 hợp đồng với tổng tiền gốc là 66.303.000.000 đồng và 156.000 USD (tương đương 3.249.168.000 đồng). Qua điều tra chứng minh được Công ty Minh Hiếu sử dụng 21 hóa đơn khống, hóa đơn khống đã được vay ở ngân hàng khác để vay 34 hợp đồng (trong số 42 hợp đồng còn nợ), được giải ngân 54.710.000.000 đồng và 201.000 USD (tương đương 4.186.428.000 đồng). Cụ thể:

1.1. Hợp đồng số 44 và 45 cùng ngày 10/8/2011, sử dụng 03 hóa đơn khống, gồm: Hóa đơn số 0000001 ngày 05/8/2011 ghi giá trị 1.921.074.500 đồng; Hóa đơn số 0000013 ngày 06/8/2011 ghi giá trị 1.697.955.118 đồng; Hóa đơn số 0000039 ngày 07/8/2011 ghi giá trị 1.194.224.227 đồng đều là của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu. ABBANK Bạc Liêu đã giải ngân cho 03 hóa đơn này là 4.750.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 44 giải ngân 2.750.000.000 đồng và hợp đồng 45 giải ngân 2.000.000.000 đồng). Sau khi được giải ngân, Lê Thị H ký ủy nhiệm chi chuyển tiền cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu. Các hóa đơn trên đều đã được Công ty Minh Hiếu cung cấp cho BIDV Cà Mau để vay và được giải ngân 280.000 USD vào ngày 05/7/2011.

1.2. Hợp đồng số 46 ngày 17/8/2011, sử dụng hóa đơn khống số 0000024 ngày 07/8/2011 ghi giá trị 922.829.874 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân ngày 17/8/2011 số tiền 550.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Sau khi được giải ngân, Nguyễn Thị U rút séc hết số tiền này. Hóa đơn này đã được Công ty Minh Hiếu cung cấp cho BIDV Cà Mau để vay và được giải ngân 280.000 USD vào ngày 05/7/2011 (chung với các hóa đơn số: 0000001, 0000013, 0000037).

1.3. Hợp đồng số 47 ngày 23/8/2011 và hợp đồng số 48 ngày 30/8/2011 cùng sử dụng hóa đơn khống số 0000038 ngày 07/8/2011 ghi 3.194.107.080 đồng (cung

cấp cho ngân hàng vay vốn xong, lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 08/8/2011) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân 2.500.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 47 giải ngân 1.300.000.000 đồng và hợp đồng 48 giải ngân 1.200.000.000 đồng), Nguyễn Thị U rút séc khi giải ngân.

1.4. Hợp đồng số 49 ngày 01/9/2011, hợp đồng số 50 ngày 05/9/2011 và hợp đồng số 51 ngày 07/9/2011, cùng sử dụng hóa đơn không số 0000066 ngày 23/8/2011 ghi giá trị 6.086.310.300 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng tổng số tiền 5.400.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 49 giải ngân 2.500.000.000 đồng, hợp đồng số 50 giải ngân 1.400.000.000 đồng và hợp đồng số 51 giải ngân 1.400.000.000 đồng). Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 25 ngày 06/5/2011, hợp đồng số 27 ngày 11/5/2011 và hợp đồng số 42 ngày 08/8/2011, còn lại 1.460.000.000 đồng thì Nguyễn Thị U rút séc ngày 05/9/2011. Trước đó Công ty Minh Hiếu đã cung cấp hóa đơn trên cho BIDV Cà Mau để vay và được giải ngân tổng số tiền 4.600.000.000 đồng vào ngày 26/8/2011, ngày 30/8/2011.

1.5. Hợp đồng số 52 ngày 08/9/2011, hợp đồng số 53 ngày 09/9/2011 và hợp đồng số 54 ngày 16/9/2011, cùng sử dụng hóa đơn không số 0000084 ngày 08/8/2011 ghi giá trị 3.676.034.158 đồng (liên lưu ghi 174.314.312 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân vào các ngày ký hợp đồng tổng số tiền 4.600.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 52 giải ngân 1.400.000.000 đồng, hợp đồng 53 giải ngân 1.400.000.000 đồng và hợp đồng số 54 giải ngân 1.800.000.000 đồng). Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 27 ngày 11/5/2011, hợp đồng số 28 ngày 16/5/2011 và hợp đồng số 29 ngày 03/6/2011 và trả cho các đối tác với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng. Số tiền còn lại thì Nguyễn Thị U rút séc 1.400.000.000 đồng, Lê Thị H ký ủy nhiệm chi vào tài khoản Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu 1.600.000.000 đồng.

1.6. Hợp đồng số 55 ngày 22/9/2011 sử dụng hóa đơn không số 0000142 ngày 28/9/2011 ghi giá trị 2.472.753.450 đồng (liên lưu ghi 94.871.538 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân 2.300.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu và Nguyễn Thị U rút séc hết số tiền này cùng ngày ký hợp đồng.

1.7. Hợp đồng số 57 ngày 03/10/2011 sử dụng hóa đơn không số 0000141 ngày 26/9/2011 ghi giá trị 3.153.042.909 đồng (liên lưu ghi 1.164.718.634 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân 2.900.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 29 ngày 03/6/2011, hợp đồng số 30 ngày 07/6/2011 và trả cho đối tác 110.540.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng thì Lê Thị H ký ủy nhiệm chi cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu.

1.8. Hợp đồng số 61 ngày 15/10/2011 sử dụng hai hóa đơn không, gồm: Hóa đơn số 0046153 ngày 01/10/2011 ghi giá trị 579.262.077 đồng; Hóa đơn số 0046156 ghi giá trị 220.138.277 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty

Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân 1.140.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu thì Lê Thị H ký ủy nhiệm chi vào tài khoản Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu hết số tiền trên. Trước đó Công ty Minh Hiếu đã cung cấp hai hóa đơn này cho BIDV Cà Mau và ACB Cà Mau để vay và được BIDV Cà Mau giải ngân 1.400.000.000 đồng vào ngày 10/10/2011, còn ACB Cà Mau thì giải ngân chung cho các hợp đồng còn nợ.

1.9. Hợp đồng số 62 ngày 19/10/2011, hợp đồng số 63 ngày 20/10/2011 và hợp đồng số 64 ngày 21/10/2011, cùng sử dụng hóa đơn số 0000164 ngày 15/10/2011 ghi giá trị 4.205.585.886 đồng (liên lưu ghi 18.645.000 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng, tổng số tiền 3.970.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 62 giải ngân 1.160.000.000 đồng, hợp đồng 63 giải ngân 1.140.000.000 đồng và hợp đồng số 64 giải ngân 1.670.000.000 đồng). Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 33 ngày 20/6/2011 và hợp đồng số 34 ngày 22/6/2011.

1.10. Hợp đồng số 65 ngày 27/10/2011, hợp đồng số 66 ngày 28/10/2011, cùng sử dụng hóa đơn số 0000185 ngày 26/10/2011 ghi giá trị 5.473.653.081 đồng (liên lưu ghi 315.594.300 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân tổng số tiền 5.250.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 65 giải ngân 2.900.000.000 đồng, hợp đồng 66 giải ngân 2.350.000.000 đồng). Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 35 ngày 06/7/2011, còn lại 2.350.000.000 đồng thì Lê Tiến D<sup>1</sup> rút séc vào ngày 28/10/2011. Trước đó Công ty Minh Hiếu đã cung cấp hóa đơn này cho ACB Cà Mau để vay và đã được giải ngân chung cho các hợp đồng còn nợ.

1.11. Hợp đồng số 67 ngày 02/11/2011 sử dụng hóa đơn không số 0000186 ngày 31/10/2011 ghi giá trị 4.725.500.604 đồng (liên lưu ghi 18.810.000 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân số tiền 1.850.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 44 ngày 10/8/2011. Hóa đơn này trước đó đã được Công ty Minh Hiếu cung cấp cho ACB Cà Mau để vay và đã được giải ngân chung cho các hợp đồng còn nợ.

1.12. Hợp đồng số 70 ngày 21/11/2011 sử dụng hai hóa đơn không: Hóa đơn số 0000224 ngày 10/11/2011 ghi giá trị 1.348.189.500 đồng và số 0000226 ngày 15/11/2011 ghi giá trị 2.557.929.150 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân số tiền 3.500.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 37 ngày 22/7/2011. Hai hóa đơn này trước đó đã được Công ty Minh Hiếu cung cấp cho ACB Cà Mau để vay và đã được giải ngân chung cho các hợp đồng còn nợ.

1.13. Hợp đồng số 71 ngày 22/11/2011, hợp đồng số 74 ngày 25/11/2011 cùng sử dụng hóa đơn không số 0000224 ngày 26/11/2011 ghi giá trị 4.410.000.000 đồng (liên lưu ghi 47.869.108 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng tổng số tiền

4.150.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu (hợp đồng số 71 giải ngân 3.300.000.000 đồng, hợp đồng số 74 giải ngân 850.000.000 đồng). Nguyễn Thị Út rút séc 1.020.000.000 đồng vào ngày 22/11/2011, Lê Thị H ký ủy nhiệm chi cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu 2.200.000.000 đồng vào ngày 23/11/2011, còn lại 930.000.000 đồng trả lãi cho 27 hợp đồng.

1.14. Hợp đồng số 75 ngày 28/11/2011, hợp đồng số 76 ngày 29/11/2011 và hợp đồng số 77 ngày 30/11/2011 cùng sử dụng hóa đơn không số 0000248 ngày 28/11/2011 ghi giá trị 5.774.981.000 đồng (liên lưu ghi 240.335.617 đồng, sau đó tiêu hủy (gạch chéo trên hóa đơn) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng tổng số tiền 201.000 USD vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 39 ngày 04/8/2011 và hợp đồng số 40 ngày 05/8/2011.

1.15. Hợp đồng số 78 ngày 01/12/2011, hợp đồng số 79 ngày 02/12/2011 và hợp đồng số 80 ngày 05/12/2011 cùng sử dụng hóa đơn số 0000264 ngày 30/11/2011 ghi giá trị 5.565.609.892 đồng (liên lưu ghi 6.072.000 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng tổng số tiền 5.400.000.000 đồng (hợp đồng số 78 giải ngân 1.400.000.000 đồng, hợp đồng số 79 giải ngân 1.500.000.000 đồng và hợp đồng số 80 giải ngân 2.500.000.000 đồng) vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu. Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 40 ngày 05/8/2011.

1.16. Hợp đồng số 81 và hợp đồng số 82 cùng ngày 06/12/2011, hợp đồng số 83 ngày 07/12/2011, hợp đồng số 84 và hợp đồng số 85 cùng ngày 08/12/2011, hợp đồng số 86 ngày 09/12/2011 cùng sử dụng hóa đơn số 0000265 ngày 30/11/2011 ghi giá trị 8.505.258.715 đồng (liên lưu ghi 2.557.606.275 đồng) và hóa đơn số 0000265 ngày 01/12/2011 ghi giá trị 2.557.606.275 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu, được ABBANK Bạc Liêu giải ngân vào ngày ký của từng hợp đồng, tổng số tiền 10.950.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Minh Hiếu khi ký từng hợp đồng (mỗi hợp đồng số 81, 82 và 83 giải ngân 2.500.000.000 đồng, hợp đồng số 84 giải ngân 1.200.000.000 đồng, hợp đồng số 85 giải ngân 1.100.000.000 đồng, hợp đồng số 86 giải ngân 1.150.000.000 đồng). Công ty Minh Hiếu sử dụng số tiền trên để thanh toán cho hợp đồng số 42 ngày 08/8/2011, hợp đồng số 43 ngày 09/8/2011, hợp đồng số 44 ngày 10/8/2011 với tổng số tiền 4.800.000.000 đồng; chuyển cho đối tác 268.126.126 đồng; Lê Thị H chuyển cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu 4.575.000.000 đồng; Nguyễn Thị U rút séc 1.278.000.000 đồng. Trước đó Công ty Minh Hiếu đã cung cấp hóa đơn số 0000265 ngày 30/11/2011 cho ACB Cà Mau để vay và đã được giải ngân chung cho các hợp đồng còn nợ.

Công ty Minh Hiếu còn 42 hợp đồng chưa tất toán với tổng số tiền gốc 69.552.168.000 đồng (66.303.000.000 đồng và 156.000 USD).

Toàn bộ tài sản thế chấp tại ABBANK Bạc Liêu, theo Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu là 36.950.794.000 đồng. Do Ngô Chí D và Lê Thị H vay vốn thế chấp tại ABBANK Bạc Liêu nên được đối trừ phần tài sản được đảm

bảo nêu trên. Qua đó, có đủ căn cứ kết luận Ngô Chí D, Lê Thị H đã chiếm đoạt của ABBANK Bạc Liêu 32.601.374.000 đồng (tiền gốc 69.552.168.000 đồng - tài sản thế chấp 36.950.794.000 đồng).

## **2. Đối với ACB Cà Mau:**

Ngày 25/02/2011, Lê Thị H ký với ACB Cà Mau Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CAM.DN.02250211, hạn mức tín dụng 3.000.000 USD, thời hạn 12 tháng. Mục đích: Tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng 1.000.000 USD, tài trợ xuất khẩu sau khi giao hàng 2.000.000 USD. Tài sản thế chấp: Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 30.000.000.000 đồng.

Từ ngày 25/02/2011 đến ngày 23/11/2011, ACB Cà Mau giải ngân cho Công ty Minh Hiếu 25 hợp đồng (khế ước nhận nợ) với tổng số tiền 3.172.700 USD. Công ty Minh Hiếu tất toán 17 hợp đồng, còn lại 08 hợp đồng với tổng số tiền 20.852.721.000 đồng (tương đương 984.067 USD). Cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng số 18 ngày 21/9/2011, số tiền vay 3.744.000.000 đồng (tương đương 180.000 USD);

2.2. Hợp đồng số 19 ngày 22/9/2011, số tiền vay 3.827.200.000 đồng (tương đương 184.000 USD);

2.3. Hợp đồng số 20 ngày 23/9/2011, số tiền vay 1.322.705.000 đồng (tương đương 63.500 USD);

2.4. Hợp đồng số 21 ngày 26/9/2011, số tiền vay 3.280.725.000 đồng (tương đương 157.500 USD);

2.5. Hợp đồng số 22 ngày 05/10/2011, số tiền vay 2.225.600.000 đồng (tương đương 107.000 USD);

2.6. Hợp đồng số 23 ngày 28/10/2011, số tiền vay 969.093.000 đồng (tương đương 47.000 USD);

2.7. Hợp đồng số 24 ngày 07/11/2011, số tiền vay 4.580.398.000 đồng (tương đương 218.000 USD);

2.8. Hợp đồng số 25 ngày 23/11/2011, số tiền vay 903.000.000 đồng (tương đương 43.000 USD);

Để đạt được mục đích chiếm đoạt số tiền trên, Công ty Minh Hiếu đã sử dụng 13 hóa đơn khống: Hóa đơn khống, hóa đơn khống đã sử dụng để vay ở các ngân hàng khác, ghi tổng giá trị 31.724.194.248 đồng do Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu và hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất hóa đơn cho Công ty Minh Hiếu. Cụ thể như sau:

(1) Hóa đơn số 0000084 ngày 07/8/2011 ghi giá trị 3.676.034.158 đồng (liên lưu ghi 174.314.312 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu.

(2) Hóa đơn số 0000185 ngày 31/10/2011 ghi giá trị 5.473.653.081 đồng (liên lưu ghi 315.594.300 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu.

(3) Hóa đơn số 0000186 ngày 31/10/2011 ghi giá trị 4.725.500.604 đồng (liên lưu ghi 18.810.000 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu.

(4) Hóa đơn số 0000286 ngày 20/12/2011 ghi giá trị 2.463.184.500 đồng (liên lưu ghi 4.730.000 đồng) của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu.

(5) Hóa đơn số 0000066 ngày 23/8/2011 ghi giá trị 6.086.310.300 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào các ngày: 01/9/2011, 05/9/2011, 07/9/2011 và BIDV Cà Mau ngày 26/8/2011, ngày 30/8/2011).

(6) Hóa đơn số 0000224 ngày 10/11/2011 ghi giá trị 1.348.189.500 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào ngày 21/11/2011).

(7) Hóa đơn số 0000226 ngày 15/11/2011 ghi giá trị 2.557.929.150 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào ngày 21/11/2011).

(8) Hóa đơn số 0000265 ngày 01/12/2011 ghi giá trị 2.557.606.275 đồng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào ngày 08/12/2011 và ngày 09/12/2011).

(9) Hóa đơn số 0046153 ngày 01/10/2011 ghi giá trị 579.262.077 đồng của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào ngày 15/10/2011 và BIDV Cà Mau ngày 10/10/2011).

(10) Hóa đơn số 0046154 ngày 02/10/2011 ghi giá trị 255.726.573 đồng của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại BIDV Cà Mau ngày 06/10/2011).

(11) Hóa đơn số 0046155 ngày 03/10/2011 ghi giá trị 1.640.898.530 đồng của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại BIDV Cà Mau ngày 06/10/2011).

(12) Hóa đơn số 0046156 ngày 04/10/2011 ghi giá trị 220.138.277 đồng của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại ABBANK Bạc Liêu vào ngày 15/10/2011 và BIDV Cà Mau ngày 10/10/2011).

(13) Hóa đơn số 0046157 ngày 10/5/2011 ghi giá trị 139.761.223 đồng của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu (đã cung cấp vay tại BIDV Cà Mau ngày 10/10/2011).

Tại Biên bản kiểm tra tài sản thế chấp ngày 10/12/2012 giữa đại diện ACB Cà Mau và Công ty Minh Hiếu, tài sản dùng thế chấp tại ACB Cà Mau hàng hóa tồn kho chỉ còn 7.975,96 Kg. Đối với số hàng hóa còn lại này, ACB đã bán và thu được 334.828.400 đồng.

Với thủ đoạn thế chấp hàng hóa tồn kho không, dùng hóa đơn không cung cấp cho ACB Cà Mau giải ngân. Qua đó, Ngô Chí D, Lê Thị H đã chiếm đoạt của ACB Cà Mau 20.517.892.600 đồng (20.852.721.000 đồng – 334.828.400 đồng).

### **3. Đối với BIDV Bạc Liêu:**

Ngô Chí D ký Hợp đồng mua bán số 20/HĐTB/2009 ngày 29/8/2009 với ông Huỳnh Văn L là Giám đốc Công ty Điện lạnh Sài Gòn mua hệ thống thiết bị máy lạnh giá trị 903.595 USD, sau đó thỏa thuận điều chỉnh giảm giá từ 903.595 USD thành 421.355 USD, nhưng vẫn giữ nguyên số, ngày tháng năm của hợp đồng trước.

Ngày 21/7/2010, Ngô Chí D đại diện Công ty Minh Đại ký Hợp đồng trung hạn số 00785/2010/0001626 với BIDV Bạc Liêu để vay số tiền 11.470.000.000 đồng. Mục đích vay là để đầu tư thiết bị lạnh và hệ thống xử lý nước thải, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản thế chấp thể hiện tại 03 hợp đồng thế chấp tài sản, gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 188/2010/TC ngày 21/7/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 630/2011/TC ngày 23/6/2010 và Hợp đồng số 631/2011/TC ngày 23/6/2011; BIDV Bạc Liêu giải ngân cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu dựa trên Hợp đồng khống số 20/HĐTB/2009 có giá trị là 11.135.000.000 đồng. Thực tế chỉ lắp đặt trang thiết bị, máy móc có 8.071.528.135 đồng, số tiền còn 3.063.471.865 đồng Ngô Chí D chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân (Trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L).

Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu có 08 hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn tại BIDV Bạc Liêu, tổng giá trị tài sản là 76.882.102.132 đồng. Trong đó: Máy phát điện hiệu Niigata 1000KVA, trị giá 505.312.500 đồng và 121.306 Kg tôm đông lạnh trị giá 31.630.309.575 đồng, đều là tài sản khống (do máy phát điện không còn, hàng hóa tồn kho Công ty bán đã nhận tiền, tạm ứng tiền của đối tác để mua gần hết giá trị hợp đồng, hàng ký gửi) đồng thời đã bán cối đá vẩy sau khi thế chấp trị giá 600.600.000 đồng.

Từ tháng 8/2010 đến tháng 5/2013, Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đã được BIDV Bạc Liêu cho vay tổng cộng 116 hợp đồng, giá trị 83.428.498.500 đồng và 7.535.739 USD. Đã trả được 92 hợp đồng với số tiền 66.382.354.500 đồng và 6.312.392 USD, còn dư nợ của 24 hợp đồng (01 hợp đồng tín dụng trung hạn và 23 hợp đồng theo món), với số tiền 17.046.144.000 đồng và 1.223.347 USD. Tính đến ngày 19/4/2017, tổng số tiền Ngô Chí D còn nợ BIDV Bạc Liêu là 66.984.444.624 đồng.

Để được BIDV Bạc Liêu giải ngân theo hợp đồng hạn mức đã ký, Ngô Chí D, Nguyễn Thị U và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> đã lập 19 hóa đơn khống bằng các hình thức nêu trên với tổng giá trị 21.005.019.007 đồng. Căn cứ vào hóa đơn Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu cung cấp, BIDV Bạc Liêu đã giải ngân 13 hợp đồng tín dụng theo món. Trong đó đã tất toán được 05 hợp đồng, hiện còn nợ 08 hợp đồng đều có sử dụng hóa đơn khống, chiếm đoạt 10.869.489.450 đồng. Cụ thể như sau:

3.1. Hợp đồng số 24 ngày 17/7/2012 sử dụng hóa đơn khống số 0070782 ngày 14/7/2012 ghi giá trị 660.271.458 đồng (liên lưu ghi 20.631.434 đồng) và hóa đơn số 0070784 ngày 16/7/2012 ghi giá trị 936.657.042 đồng (liên lưu ghi 61.599.128 đồng) của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu. Đối với hai hóa đơn này, BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 1.612.126.035 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U.

3.2. Hợp đồng số 25 ngày 19/7/2012 sử dụng hóa đơn khống số 0070785 ngày 17/7/2012 ghi giá trị 736.758.213 đồng (liên lưu ghi 19.290.140 đồng) của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu

giải ngân số tiền 1.161.609.780 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U cùng ngày ký hợp đồng.

3.3. Hợp đồng số 56 ngày 07/9/2012 sử dụng hóa đơn không số 0072193 ngày 30/8/2012 ghi giá trị 1.768.060.349 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 01/9/2012) của Hộ kinh doanh Ngô Chí D xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 1.161.609.780 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Ngô Chí D.

3.4. Hợp đồng số 58 ngày 11/9/2012 sử dụng hai hóa đơn: Hóa đơn số 0072193 ngày 30/8/2012 ghi 1.768.060.349 đồng và hóa đơn số 0072194 ngày 05/9/2012 ghi giá trị 2.858.039.700 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 07/9/2012) của Hộ kinh doanh Ngô Chí D xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 879.437.140 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Ngô Chí D.

3.5. Hợp đồng số 63 ngày 13/9/2012 và Hợp đồng số 68 ngày 14/9/2012 sử dụng hóa đơn số 0072194 ngày 05/9/2012 ghi giá trị 2.858.039.700 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 07/9/2012) của Hộ kinh doanh Ngô Chí D xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 1.733.506.340 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Ngô Chí D (hợp đồng số 63 số tiền 1.046.446.340 đồng; hợp đồng số 68 số tiền 687.060.000 đồng).

3.6. Hợp đồng số 70 ngày 18/9/2012 sử dụng hai hóa đơn: Hóa đơn số 0072194 ngày 05/9/2012 ghi giá trị 2.858.039.700 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 07/9/2012) và hóa đơn số 0072196 ngày 10/9/2012 ghi giá trị 2.276.171.373 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 12/9/2012) của Hộ kinh doanh Ngô Chí D xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 1.994.944.000 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Ngô Chí D.

3.7. Hợp đồng số 73 ngày 21/9/2012 sử dụng hóa đơn số 0072196 ngày 10/9/2012 ghi giá trị 2.276.171.373 đồng (lập biên bản hủy hóa đơn vào ngày 07/9/2012) và hóa đơn số 0072198 ngày 15/9/2012 ghi giá trị 2.392.538.501 đồng của Hộ kinh doanh Ngô Chí D xuất cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, được BIDV Bạc Liêu giải ngân cùng ngày ký hợp đồng với số tiền 1.895.272.155 đồng vào tài khoản Hộ kinh doanh Ngô Chí D.

Sau khi được BIDV Bạc Liêu giải ngân, Ngô Chí D không sử dụng tiền vào hoạt động kinh doanh, mà chỉ đạo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị U rút tiền chuyển từ các Hộ kinh doanh đến các công ty do Ngô Chí D thành lập để sử dụng cá nhân, cụ thể như:

(1) Từ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U về quỹ của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, số tiền 3.089.720.000 đồng.

(2) Từ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị U về quỹ của Công ty Minh Hiếu, số tiền 9.273.000.000 đồng.

(3) Từ Hộ kinh doanh Ngô Chí D về quỹ của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, số tiền 5.703.400.000 đồng.

(4) Từ Hộ kinh doanh Ngô Chí D về quỹ của Công ty Minh Hiếu, số tiền 1.917.900.000 đồng.

Ngày 11/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu cùng BIDV Bạc Liêu và đại diện Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu tiến hành kiểm tra tài sản thế chấp, kết quả: Không có cối đá vẩy 10 tấn/24 giờ; Không có máy phát điện Niigata; không có hàng tồn kho.

Tại Kết luận giám định ngày 12/5/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu, kết luận giá trị còn lại của tài sản thế chấp để vay vốn của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu là 17.330.174.000 đồng; Nợ gốc và lãi của Công ty tại BIDV Bạc Liêu là 66.984.444.624 đồng; Giá trị còn lại của tài sản thế chấp thấp hơn nợ gốc và lãi vay là 49.654.270.624 đồng. Như vậy tính đến ngày 19/4/2017, giá trị còn lại tài sản thế chấp của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu không đủ bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi cho BIDV Bạc Liêu.

Qua đó, Ngô Chí D cùng đồng phạm dùng thủ đoạn gian dối, cung cấp hợp đồng không (có giá trị chênh lệch) mua máy móc chiếm đoạt 3.063.471.865 đồng và cung cấp 07 hóa đơn không để được BIDV Bạc Liêu giải ngân thông qua 08 hợp đồng, chiếm đoạt 10.869.489.450 đồng. Như vậy, Ngô Chí D đã chiếm đoạt của BIDV Bạc Liêu tổng cộng 13.932.961.315 đồng.

Tại Kết luận giám định số 03/GĐ-2018 ngày 22/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>” trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A5 (bản phô tô) có dấu hiệu cắt, dán hay không.

Tại Kết luận giám định số 06/GĐ-2021 ngày 26/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: Chữ ký mang tên Ngô Chí D trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ ký đứng tên Ngô Chí D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký ra; Chữ ký mang tên Huỳnh Hồng B trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A6 đến A7 so với chữ ký đứng tên Huỳnh Hồng B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký ra; Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Đỗ Minh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người viết ra; Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A7 so với chữ viết của Nguyễn Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 98/GĐ-2021 ngày 12/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: Chữ ký mang tên Lê Tiến D<sup>1</sup> trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ ký dưới mục “người mua hàng” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ ký của Lê Tiến D<sup>1</sup> trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 30/2021/KLGĐ ngày 09/02/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ đối với Lê Thị H: Về y học: Trước, trong khi phạm tội, Lê Thị H không bệnh lý tâm thần; Sau khi phạm tội: Lê Thị H có bệnh lý tâm thần: Rối loạn, loạn thần không thực tổn, không biệt định, điều trị ổn định (F41.2-ICD10); hiện tại Lê Thị H có bệnh lý tâm thần: Rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm, giai đoạn bệnh tiến triển (F41.2-ICD10); Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội, Lê Thị H đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi;

Hiện tại, Lê Thị H hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại Công văn số 30.0/PYTT ngày 09/02/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, Lê Thị H có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 31/2021/KLGĐ ngày 08/02/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ đối với Huỳnh Hồng B: Về y học: Trước, trong khi phạm tội, Huỳnh Hồng B không bệnh lý tâm thần; Hiện tại, Huỳnh Hồng B có bệnh lý tâm thần: giai đoạn trầm cảm nhẹ (F32.0-ICD10); Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội, Huỳnh Hồng B đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Hiện tại, Huỳnh Hồng B hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại Công văn số 31.0/PYTT ngày 08/02/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, Huỳnh Hồng B có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số 25/QĐ-KSĐT-KT ngày 19/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố Ngô Chí D, Nguyễn Thị U và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Ngô Chí D 20 năm tù, Nguyễn Thị U 14 năm tù và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> 14 năm tù, đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Các bị cáo: Ngô Chí D, Nguyễn Thị U và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> đều có đơn kháng cáo kêu oan.

Bản án hình sự phúc thẩm số 69/2019/HS-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKS-P1 ngày 12/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã truy tố các bị cáo: Ngô Chí D, Nguyễn Thị U, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Lê Thị H, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Lê Tiến D<sup>1</sup> và Đỗ Minh Đ để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Cơ quan điều tra còn khởi tố vụ án: “*Vi phạm về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” đối với các cán bộ ngân hàng tại BIDV Bạc Liêu, ABBank Bạc Liêu và ACB Cà Mau và đã ban hành Quyết định số 02/CSĐT-PC46 ngày 16/3/2017 và Quyết định số 03/QĐ-CSĐT-CSKT ngày 17/02/2021 tách vụ án ra điều tra xử lý sau;

Đối với khoản tiền mà bị cáo Lê Thị H đại diện Công ty Minh Hiếu vay của BIDV Cà Mau không đủ căn cứ xử lý hình sự, nên không đề cập xử lý;

Đối với nguồn tiền mà Ngô Chí D sử dụng để nhận chuyển nhượng đất để xây dựng căn nhà số 1401 Phạm Hùng, Ấp 5, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 25, diện tích 2.946,7 m<sup>2</sup> tại

Phường 1, thị xã Giá Rai thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã ra Quyết định số 12/VKS-P1 ngày 13/8/2021 yêu cầu điều tra làm rõ, nhưng Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh nguồn tiền từ đâu có, nên tiếp tục yêu cầu Cơ quan điều tra điều tra làm rõ.

Đối với hành vi lập chứng từ khống đề nghị hoàn thuế của Công ty Bình Hưng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý, nên không đặt ra để xem xét.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> và Đỗ Minh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 34; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Ngô Chí D** tù chung thân. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 02/12/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm n khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 18 (mười tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 02/12/2020.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, l khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị U** 12 (mười hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm n khoản 1 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hồng B** 11 (mười một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2020 đến ngày 28/3/2022.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị S** 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lê Tiến D<sup>1</sup>** 07 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2021 đến ngày 06/12/2021.

7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> 06 (sáu)** năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019.

8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh Đ 04 (bốn)** năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

- Buộc bị cáo Ngô Chí D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 13.932.961.315 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình Việt Nam số tiền 32.601.374.000 đồng. Trong đó, bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả 16.300.687.000 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu Việt Nam số tiền 20.517.892.600 đồng. Trong đó, bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả 10.258.946.300 đồng.

\* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị U gồm: 02 (hai) chiếc vòng đeo tay kim loại màu vàng, đính đá màu trắng là vàng thật, loại 18K; 01 (một) lắc tay kiểu xích kim loại màu vàng là vàng thật, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ vàng 9 tuổi 4; 05 (năm) chiếc nhẫn đeo tay kim loại màu vàng là vàng thật; 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, dạng tròn trơn là vàng thật, loại 24K; 02 (hai) chiếc bông đeo tai kim loại màu vàng là vàng thật, loại 18K; 01 (một) sợi dây chuyền đeo cổ kim loại màu vàng là vàng thật, loại 18K; 01 (một) chiếc vòng đeo cổ kim loại màu vàng, kiểu hột châu tròn là vàng thật, loại vàng 18K; 02 (hai) chiếc vòng đeo tay kim loại màu vàng là vàng thật, loại vàng 18K; 02 (hai) dây đeo tay kim loại; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình tượng Phật là vàng thật, loại vàng 18K; 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng, có đính đá màu trắng là vàng thật, loại vàng trắng Ý; 02 (hai) nhẫn kim loại màu vàng, có đính đá là vàng thật, loại vàng 18K; 02 (hai) nhẫn kim loại màu vàng không đính đá là vàng thật, loại vàng 24K; 02 (hai) chiếc bông đeo tai kim loại màu vàng, đính đá màu trắng là vàng thật, loại vàng 18K (*được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2017 – Bút lục số 27168*);

Đồng thời, Bản án sơ thẩm còn tiếp tục duy trì Lệnh kê biên 04 xe ô tô do Nguyễn Anh T đứng tên; Tiếp tục quản lý 110.400.000 đồng, 02 tờ giấy bạc mệnh giá 100 USD/tờ và 26 tờ giấy bạc mệnh giá 02 USD/tờ của bị cáo Ngô Chí D; Tiếp

tục duy trì Lệnh phong tỏa 02 tài khoản ngân hàng và 01 sổ tiết kiệm số dư 591.644.519 đồng của bị cáo Nguyễn Thị U, để đảm bảo thi hành án; Tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước 03 máy tính xách tay, 02 CPU máy vi tính, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Ngô Chí D, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Lê Thị H (Các sim số thì tịch thu tiêu hủy).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có Quyết định số 03/QĐ-VKS ngày 22/3/2023 kháng nghị phúc thẩm, yêu cầu tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ và buộc các bị cáo này có trách nhiệm liên đới với bị cáo Ngô Chí D, Lê Thị H hoàn trả tiền chiếm đoạt của các ngân hàng (ABANK 32.601.374.000 đồng, ACB 20.517.892.600 đồng, BIDV 13.932.961.315 đồng); đồng thời giữ lại tài sản đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị U để đảm bảo thi hành án.

Từ ngày 09/3/2023 đến ngày 13/3/2023, các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ đều có đơn kháng cáo kêu oan. Bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

Ngày 16/3/2023, ABBANK có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm;

Ngày 16/3/2023, ACB có đơn kháng cáo yêu cầu buộc Công ty Minh Hiếu và các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ liên đới trách nhiệm với bị cáo Ngô Chí D, Lê Thị H trả cho ACB tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2023 là 1.989.552,56 USD (gốc 984.067 USD, lãi trong hạn 18.143,23 USD, lãi quá hạn 987.342,33 USD) và phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 02/3/2023 đến khi trả dứt nợ; Tiếp tục kê biên tài sản của các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ để đảm bảo thi hành án.

Ngày 21/3/2023, BIDV có đơn kháng cáo yêu cầu buộc Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền cho BIDV và BIDV có quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu mà ngân hàng đang nắm giữ để thu hồi tiền; BIDV được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đang thế chấp tại BIDV Bạc Liêu để thu hồi nợ, gồm: Hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; quyền sử dụng đất diện tích 4.085,3 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 220890 ngày 19/8/2011); Các tài sản đã thế chấp khác (có danh mục kèm theo); Thu hồi các tài sản Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đã thế chấp cho BIDV nhưng lại đem bán cho các tổ chức, cá nhân khác, gồm: 01 bộ cối đá 10 tấn/24 giờ; Khoản tiền 3.063.471.865 đồng mà bị cáo Ngô Chí D trả nợ vay cá nhân cho ông Huỳnh Văn L; 04 xe ô tô do Nguyễn Anh T đứng tên và cho BIDV phát mãi toàn bộ tài sản trên để thu hồi nợ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Bị cáo Ngô Chí D giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét bị cáo bị oan, việc vay tiền ngân hàng đều có thế chấp tài sản, bị cáo có vay, có trả nợ vay cho ngân

hàng nhưng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên chưa trả dứt nợ cho ngân hàng chứ bị cáo không có lừa đảo để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng.

Bị cáo Lê Thị H giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét bị cáo bị oan, Công ty hoạt động tốt nên các ngân hàng tự đến chào mời vay vốn, việc vay tiền ngân hàng đảm bảo thủ tục theo quy định, có thể chấp tài sản và có đem tài sản thế chấp ra trả nợ vay, các báo cáo tài chính, hóa đơn, chứng từ đều là làm theo hướng dẫn của cán bộ ngân hàng. Do suy thoái kinh tế thế giới, tiền lãi cao nhưng ngân hàng không tiếp tục cho vay mà lại đi tố cáo. Cơ quan tố tụng lấy hóa đơn (không phải là hợp đồng vay) để truy tố bị cáo là không đúng.

Các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> và Đỗ Minh Đ đều giữ nguyên kháng cáo kêu oan, vì các bị cáo đều là người làm công ăn lương, chỉ làm theo sự chỉ đạo của chủ, hoàn toàn không có hưởng lợi từ việc vay tiền ngân hàng. Bị cáo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> đề nghị xem xét Bản án phúc thẩm số 69/2019/HS-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhiều vấn đề cần phải điều tra làm rõ, nhưng cơ quan tố tụng lại không làm gì mà còn nhập vụ án của Ngân hàng ACB và Ngân hàng ABBANK vào để truy tố, xét xử là không đúng. Giá trị tài sản thế chấp của Công ty vẫn có đủ để thanh toán cho các khoản nợ vay.

Người đại diện hợp pháp của BIDV giữ nguyên kháng cáo yêu cầu buộc công ty Minh Hiếu Bạc Liêu liên đới trách nhiệm trả nợ vay; Cho BIDV được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thu hồi cổ đá vẩy, 04 xe ô tô và số tiền 3.063.471.865 đồng mà Ngô Chí D trả cho ông Huỳnh Văn L để đảm bảo thi hành án.

Người đại diện hợp pháp của ACB giữ nguyên kháng cáo yêu cầu buộc Công ty Minh Hiếu và các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ liên đới trách nhiệm với bị cáo Ngô Chí D, Lê Thị H trả nợ cho ACB, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi bằng USD cho đến khi thanh toán dứt nợ; Kê biên tài sản của tất cả những người có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ACB để đảm bảo thi hành án, vì họ phạm tội có tổ chức nên phải có trách nhiệm liên đới hậu quả hành vi của tội phạm gây ra.

Người đại diện hợp pháp của ABBANK kháng cáo yêu cầu Công ty Minh Hiếu và các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ liên đới trách nhiệm với bị cáo Ngô Chí D, Lê Thị H trả nợ cho ABBANK, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Tính đến ngày 08/12/2022 thì còn nợ ABBANK tổng cộng gốc lãi là 72.073.607.175 đồng (gốc 21.558.720.000 đồng và tiền lãi là 50.514.887.175 đồng) và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi tất toán nợ. Bản án sơ thẩm buộc Ngô Chí D và Lê Thị H trả cho ABBANK 32.601.374.000 đồng, nhưng do Công ty Minh Hiếu đã bán tài sản thế chấp (Thửa đất số 742 và tài sản trên đất) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (viết tắt Công ty ABBA) với giá 53.300.188.187 đồng và Công ty ABBA đã thanh toán cho Công ty Minh Hiếu 48.000.000.000 đồng, nhưng do ABBANK nhận tiền để khấu trừ nợ vay cho Công ty Minh Hiếu, nên Công ty Minh Hiếu chỉ còn nợ gốc là 21.558.720.000 đồng, không phải là 32.601.374.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã xác định.

Luật sư Trần Hải Đức đề nghị xem xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh luận tội không có căn cứ, không khách quan, không toàn diện. Tại điểm 2.4 mục IV phần C Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn thì được phép lập bảng kê; Tiết b điểm 1.2 khoản 1 Điều 11 Quy định số 3999/QĐ-QLTD1 của BIDV có đưa ra ngoại lệ trường hợp thiếu chứng từ giải ngân hoặc chưa đủ điều kiện giải ngân thì được cam kết bổ sung ngay sau giải ngân; Văn bản số 8638 ngày 13/7/2016 của BIDV cũng xác định Hóa đơn giá trị gia tăng không phải là căn cứ giải ngân và Văn bản số 8961/BIDV-TTXLN của BIDV cũng xác định trường hợp khách hàng chưa thể cung cấp được hóa đơn, chứng từ tại thời điểm đề xuất giải ngân thì khách hàng có thể nợ, nhưng phải bổ sung đầy đủ hóa đơn, chứng từ sau khi giải ngân. Các quy định trên cũng phù hợp với lời khai của các nhân viên ngân hàng như Trần Út Mười (bút lục số 22608, 22617, 22620), Lê Xuân Hiếu (bút lục số , 5861), Nguyễn Thị Nhật Tân (bút lục số 28199) và tại phiên tòa ngày 01/3/2023, các ngân hàng BIDV, ACB và ABBANK cũng đều thừa nhận khi giải ngân khách hàng có thể nợ chứng từ, hóa đơn nhưng phải bổ sung đầy đủ trong vòng 30 ngày. Như vậy, khách hàng đã lấy được tiền trước khi cung cấp các chứng từ, hóa đơn thì có hay không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản? Tại Bản án phúc thẩm số 69 ngày 27/9/2019 cũng nêu rõ các hành vi dùng hóa đơn khống, hóa đơn chênh lệch để ngân hàng giải ngân cũng không thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, các hành vi cung cấp hóa đơn ghi sai, hóa đơn không chứa đủ các yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngân hàng không thực hiện đúng quy định về kiểm tra - đối chiếu hàng tồn kho, không kiểm tra thực tế mà chỉ kiểm tra trên báo cáo của Công ty, nên ngân hàng đã vi phạm quy định của chính mình đặt ra. Do đó, không đủ các yếu tố để buộc tội các bị cáo. Bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H hoàn toàn không lợi dụng chính sách của Nhà nước để chiếm đoạt tiền vay. Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu không lừa đảo mà là có vay, có trả, đã tất toán hơn 2/3 các hợp đồng tín dụng, việc không trả dứt nợ vay cho ngân hàng là do suy thoái kinh tế toàn cầu. BIDV chỉ có đơn đề nghị hỗ trợ ngăn chặn tẩu tán tài sản, nhưng Cơ quan điều tra lại khởi tố vụ án là không đúng. BIDV và Công ty Minh Hiếu cũng đã được Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận cho bán tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ (nhưng quyết định công nhận sự thỏa thuận này sau đó đã bị hủy). Sau khi vụ án bị hủy trả về thì lại tiếp tục khởi tố đối với nợ vay ACB và ABBANK vào năm 2014 nhưng không khởi tố bị can, chỉ đến năm 2019 thì mới có quyết định khởi tố bị can, là không đúng. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được ý thức chiếm đoạt tiền, không chứng minh được số tiền thiệt hại của các ngân hàng đã đi về đâu? Các bị cáo đã sử dụng tiền vào việc gì mà chưa thanh toán được nợ? Các bị cáo có hành vi gian dối nhưng chỉ là để chứng minh mục đích sử dụng vốn vay chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt, trước khi cho vay thì ngân hàng đã kiểm tra đầy đủ thủ tục thì mới giải ngân, nếu ngân hàng phát hiện gian dối thì ngân hàng có quyền khởi kiện vụ án dân sự chứ không được hình sự hóa quan hệ dân sự. ABBANK không phải là bị hại trong vụ án vì ABBANK và Công ty Minh Hiếu đã thỏa thuận bán tài sản thế chấp cho Công ty ABBA (tên viết tắt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình) để trả nợ vay cho ABBANK, nhưng ABBA không thanh toán tiền cho Công ty Minh Hiếu mà lại giao tiền cho ABBANK nên hai bên đã có tranh chấp, Tòa án nhân dân

tỉnh Bạc Liêu đã xét xử sơ thẩm. Việc vay tiền của BIDV và ACB cũng đều có thể chấp tài sản, không có ngân hàng nào bị thiệt hại trong vụ án này vì tài sản thế chấp hiện nay có giá trị 139,5 tỷ đồng là lớn hơn nhiều so với tổng số tiền còn nợ 03 ngân hàng chỉ có 67 tỷ đồng, đủ để đảm bảo trả nợ. Bản án sơ thẩm lần đầu phạt bị cáo Ngô Chí D 20 năm tù, bị hủy án thì nay lại xử phạt bị cáo D đến tù chung thân. Bị cáo và các luật sư nhiều lần yêu cầu định giá lại tài sản thế chấp, nhưng không được đáp ứng, bản án phúc thẩm lần trước nêu ra nhiều vấn đề cần phải làm rõ, nhưng cơ quan điều tra cũng không thực hiện. Tóm lại, các bị cáo không có ý thức Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc định giá không đúng quy định của pháp luật, không có thiệt hại xảy ra, nên đề nghị tuyên bố các bị cáo không phạm tội hoặc hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư Tào Văn Dũng đề nghị xem xét doanh nghiệp trả nợ vay rất tốt, tất toán trên 2/3 tổng số hợp đồng vay. Khi khởi tố vụ án thì phải chốt nợ gốc và lãi, nhưng lại khởi tố một thời gian rồi mới xác định nợ gốc, lãi là không đúng. Đối với BIDV thì có 15 hợp đồng không có vi phạm, nhưng lại nhập chung 08 hợp đồng có vi phạm với 15 hợp đồng không vi phạm để xác định tiền gốc, lãi làm cơ sở xử lý là không phù hợp. Thực tế xét xử tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ tính trên nợ gốc, không có quy định nào cho tính lãi. Kết luận định giá số 38 năm 2016 xác định giá trị tài sản thế chấp là 17 tỷ đồng, Tổ giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước thực hiện năm 2020 thì cũng xác định giá trị tài sản thế chấp là 17 tỷ đồng, không hơn không kém một đồng, là sai thực tế. Cùng một tài sản, nhưng kết luận định giá số 38 là 17 tỷ đồng, Công ty VIETVALUE định giá năm 2022 là 75 tỷ đồng và Công ty SBA định giá vào tháng 11/2023 là 139,8 tỷ đồng, có sự chênh lệch quá lớn, nên kết luận định giá là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm khoản 2 Điều 8 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018, vi phạm Điều 101 và Điều 217 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bản án phúc thẩm số 69 năm 2019 cũng yêu cầu làm rõ đơn giá quyền sử dụng đất, các tài sản trên đất được tính theo khung giá nào? nhưng cơ quan điều tra cũng không làm rõ yêu cầu của Bản án phúc thẩm số 69. Cách tính thiệt hại của 03 ngân hàng cũng không thống nhất. Có mâu thuẫn trong lời khai của Trần Út Mười (bút lục 22612, 22602, 22607) với Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> (bút lục 22439, 22442) nhưng không cho đối chất, mà lại tách Út Mười ra ở vụ án khác là không đúng. Vì vậy, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại, định giá lại tài sản cho đúng quy định của pháp luật và thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H tại ngoại để trị bệnh.

Luật sư Bùi Ghi Phong thống nhất với ý kiến của luật sư Trần Hải Đức và Tào Văn Dũng, bổ sung thêm đề nghị xem xét ngân hàng không có giải ngân đối với hợp đồng tín dụng có thể chấp đá vảy và việc bán máy phát điện Niigata chỉ là quan hệ dân sự.

Luật sư Hồ Hoài Nhân đề nghị xem xét khi xuất hóa đơn thì cơ quan thuế kiểm soát rất sát sao nên không có việc xuất hóa đơn khống. Thủ tục cho vay của ngân hàng bắt buộc doanh nghiệp phải có Báo cáo tài chính, trong Báo cáo tài chính thể hiện hàng hóa tồn kho luân chuyển nên không thể cùng lúc thế chấp cho nhiều ngân hàng. BIDV có văn bản số 8336 cho rằng không có hóa đơn cũng cho vay, nên hóa đơn chỉ nhằm chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, chứ không phải là lừa đảo, chiếm đoạt. Bản án phúc thẩm số 69 nêu ra nhiều vấn đề nhưng cơ quan tố tụng

không thực hiện gì cả. Tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn rất nhiều so với nợ vay của 3 ngân hàng, nên không có thiệt hại xảy ra. Do đó, các bị cáo kháng cáo kêu oan là có căn cứ.

Luật sư Trần Văn Độ đề nghị xem xét bị cáo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> không đồng phạm, việc bị cáo lập các báo cáo, hóa đơn, chứng từ không phải là hành vi gian dối, mà chỉ là để hợp thức hóa lượng hàng hóa; Giá trị tài sản thế chấp vẫn còn thừa so với nợ vay, tài sản của BIDV chưa bị xâm phạm. Do đó, bị cáo Đ<sup>1</sup> không phạm tội.

Luật sư Trần Duy Lượng đề nghị xem xét bị cáo Nguyễn Thị S mới ra trường, chưa có kinh nghiệm, mô tả công việc của bị cáo chứng tỏ bị cáo S không phải là kế toán. Trước đây bị cáo có lời khai doanh nghiệp làm ăn thua lỗ là tự suy diễn và bị cáo nghe người khác nói, chứ bị cáo không có cơ sở xác định công ty thua lỗ. Việc bị cáo ghi trên hóa đơn là do bị cáo Đ<sup>1</sup> nhờ và bị cáo S hoàn toàn không nhận bất cứ lợi ích gì; chỉ khi bị cáo thực hiện các hành vi quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTP thì mới có căn cứ buộc tội bị cáo Nguyễn Thị S.

Luật sư Đỗ Hồi Khanh không có ý kiến về tội danh đối với bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup>, chỉ đề nghị xem xét bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> tham gia với vai trò thứ yếu, không có bàn bạc mà chỉ là người làm công ăn lương, không được hưởng lợi, nhận thức yếu kém, hành vi không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản mà chỉ là làm theo sự chỉ đạo, phạm tội lần đầu, tuổi cao đang mắc nhiều bệnh, có cha là liệt sĩ, đề nghị giảm nhẹ, phạt bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> 02 năm tù cho hưởng án treo. Luật sư Trần Duy Lượng bào chữa bổ sung: Do chuyển biến của tình hình, giá trị tài sản thế chấp cao hơn nợ vay, các ngân hàng không bị thiệt hại, đề nghị áp dụng Điều 25 Bộ luật hình sự miễn trách nhiệm hình sự bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup>.

Luật sư Trần Minh Hải đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của BIDV. Trang 30 của Bản án sơ thẩm ghi nhận Ngô Chí D nợ BIDV là không đúng đối tượng vì BIDV giải ngân cho Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, nên Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu mới là đối tượng còn nợ BIDV và do đó Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu phải liên đới trách nhiệm trả nợ. Các khoản vay có thể chấp nên đề nghị thu hồi toàn bộ tài sản đã thế chấp cho BIDV và cho phép BIDV phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Kiến nghị đình chỉ giải quyết vụ án vì phạm quy định về cho vay tại BIDV Bạc Liêu.

Luật sư Nguyễn Thị Ngọc Anh nhất trí ý kiến của luật sư Trần Minh Hải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự, các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ và Lê Tiến D<sup>1</sup> phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo kêu oan của tất cả các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo không thành khẩn, không thể hiện sự ăn năn hối cải, riêng đối với bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> không kêu oan nhưng bị cáo là Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu, phạm tội tích cực, nên đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, tăng nặng hình phạt tù đối với các bị cáo như sau:

Nguyễn Thị U từ 14 năm đến 15 năm, Huỳnh Hồng B từ 12 đến 13 năm, Nguyễn Thị S từ 13 đến 14 năm, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> từ 09 đến 10 năm, Lê Tiến D<sup>1</sup> từ 11 đến 12 năm, Đỗ Minh Đ từ 08 đến 09 năm. Bác kháng cáo của các Ngân hàng yêu cầu tính lãi trên số tiền chiếm đoạt, chấp nhận một phần kháng cáo của các Ngân hàng về yêu cầu buộc Công ty Minh Hiếu, Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu và bị cáo Nguyễn Thị U liên đới trách nhiệm với bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H hoàn trả tiền chiếm đoạt, tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo Nguyễn Thị U để đảm bảo thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Đơn kháng cáo của các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Lê Tiến D<sup>1</sup> và đơn kháng cáo của các ngân hàng: BIDV, ACB, ABBANK và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Cơ quan điều tra đã tách vụ án: “*Vi phạm về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” đối với các cán bộ ngân hàng tại BIDV Bạc Liêu để điều tra xử lý sau, nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của BIDV yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án vi phạm quy định về cho vay tại BIDV Bạc Liêu.

Việc thi hành án phân trách nhiệm dân sự của bản án hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc yêu cầu thu hồi tài sản thế chấp mà Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đã bán; đồng thời giao cho BIDV Bạc Liêu được quyền tiếp nhận và phát mãi ngay tất cả tài sản đảm bảo của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu để thu hồi nợ.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Mặc dù vào ngày 04/12/2023 đã niêm yết giấy triệu tập hợp lệ cho người có liên quan đến kháng cáo của Ngân hàng BIDV nhưng ông Huỳnh Văn L vắng mặt không rõ lý do; Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng họ đều không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị và sự vắng mặt của họ không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không gây trở ngại cho việc xét xử; nên theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

**[2]** Các bị cáo bị truy tố về hành vi đã thực hiện tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật và không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 để xét xử vụ án.

**[3]** Mặc dù kinh doanh bị thua lỗ, nhưng bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H chỉ đạo lập Báo cáo tài chính từ lỗ thành lãi rồi cung cấp cho ngân hàng để đủ điều kiện được ngân hàng cho vay; Thành lập các hộ kinh doanh cá thể để xuất hóa đơn giá trị gia tăng để cung cấp cho ngân hàng để được ngân hàng giải ngân. Từ ngày 07/01/2011 đến ngày 14/12/2011, Công ty Minh Hiếu đã sử dụng 21 hóa đơn không,

sử dụng các hóa đơn (khống) đã được vay ở ngân hàng khác để vay 34 hợp đồng (trong tổng số 42 hợp đồng còn nợ) để được ABBank Bạc Liêu giải ngân tổng số 54.710.000.000 đồng và 201.000 USD (tương đương 4.186.428.000 đồng), trong khi tài sản thế chấp chỉ có giá trị là 36.950.794.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 38/BKL-HĐĐGTS ngày 22/11/2016 và Công văn số 15/HĐĐGTS ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu). Đối trừ nợ với giá trị tài sản thế chấp [(54.710.000.000 đồng + 4.186.428.000 đồng) - 36.950.794.000 đồng] thì Công ty Minh Hiếu được giải ngân vượt quá giá trị tài sản thế chấp là 32.601.374.000 đồng và Công ty Minh Hiếu không có khả năng thanh toán số tiền này.

Ngày 25/02/2011, Công ty Minh Hiếu (do Lê Thị H đại diện) ký hợp đồng thế chấp tài sản cho ACB Cà Mau là hàng tồn kho luân chuyển trị giá 30.000.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CAM.DN. 02250211 và đã được giải ngân 25 Khế ước nhận nợ với tổng số tiền 3.172.700 USD, đã tất toán 17 hợp đồng, còn nợ 08 hợp đồng với tổng số tiền 984.067 USD (tương đương 20.852.721.000 đồng), nhưng qua kiểm tra thực tế (Biên bản ngày 10/12/2012) thì tài sản thế chấp chỉ có 7.975,96 Kg tôm, Ngân hàng ACB đã bán số hàng hóa tồn kho này thu được 334.828.400 đồng, chứng tỏ Công ty Minh Hiếu đã thế chấp hàng tồn kho không để được ACB Cà Mau giải ngân vượt quá giá trị tài sản thế chấp là 20.517.892.600 đồng và Công ty Minh Hiếu không có khả năng thanh toán số tiền này.

Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu (do Ngô Chí D đại diện) ký Hợp đồng mua của Công ty Điện lạnh Sai Gòn (do ông Huỳnh Văn L đại diện) hệ thống thiết bị lạnh trị giá 903.595 USD và sử dụng hợp đồng này thế chấp vay tiền của BIDV Bạc Liêu. Sau đó, hai bên thỏa thuận điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng chỉ còn 421.355 USD nhưng vẫn giữ nguyên số, ngày của hợp đồng đã ký trước đó và không thông báo cho BIDV Bạc Liêu biết việc giảm giá trị, nên đã được BIDV Bạc Liêu giải ngân 11.135.000.000 đồng, thực tế chỉ lắp đặt hệ thống máy móc trị giá 8.071.528.135 đồng, còn lại 3.063.471.865 đồng Ngô Chí D sử dụng để trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L; Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu (do Ngô Chí D đại diện) đã cùng với Nguyễn Thị U, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> lập 19 hóa đơn khống để được BIDV Bạc Liêu giải ngân 13 hợp đồng tín dụng theo món, đã tất toán 05 hợp đồng, còn lại 08 hợp đồng, với tổng số tiền 10.869.489.450 đồng chưa thanh toán.

Số tiền chiếm đoạt, Ngô Chí D đã sử dụng để trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L 3.063.471.865 đồng, giao cho Nguyễn Anh T mua 04 xe ô tô, giao cho Nguyễn Thị U mở 02 sổ tiết kiệm tổng trị giá 8.000.000.000 đồng, chỉ đạo Nguyễn Thị U, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> chuyển tiền về Công ty Minh Hiếu 16 lần với tổng số tiền 11.190.900.000 đồng để Ngô Chí D chiếm đoạt.

**[4]** Tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm gây ra như sau: *“Trị giá tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ xử lý hình sự được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp tội phạm thực hiện liên tục, kéo dài thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm kết thúc hành vi phạm tội. Đối với trường hợp hành vi phạm*

*tội đang diễn ra nhưng bị phát hiện, ngăn chặn thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện, ngăn chặn”.*

Do đó, việc các luật sư xuất trình Chứng thư thẩm định giá số 3461/22/CER.VVALUES ngày 31/8/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá Chuẩn Việt (bút lục số 31.498), có nội dung xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thế chấp (Thửa đất số 742, Tờ bản đồ số 02, Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai) có tổng giá trị 75.770.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, luật sư tiếp tục xuất trình Chứng thư thẩm định giá số SBA23110148/CT-SBA ngày 20/11/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn quy hoạch và Thẩm định giá SBA – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thế chấp (Thửa đất số 742 + 1093, Tờ bản đồ số 02, Ấp 2, thị trấn Giá Rai (nay là Khóm 1, Phường 1), thị xã Giá Rai) có tổng giá trị 139.856.000.000 đồng, để chứng minh giá trị tài sản thế chấp của Công ty Minh Hiếu cao hơn dư nợ và cho rằng Kết luận định giá tài sản số 38/BKL-HĐĐGTS ngày 22/11/2016 và số 15/HĐĐGTS ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự chưa chính xác, vì đã xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất Thửa đất số 742 nêu trên có giá trị 31.343.706.000 đồng. Ý kiến trên của các luật sư là không có cơ sở, vì bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt từ năm 2011 – 2013, còn Chứng thư thẩm định giá do luật sư xuất trình được thực hiện vào năm 2022 và năm 2023, là sau thời điểm bị cáo thực hiện hành vi rất nhiều năm, không phản ánh đúng bản chất của vấn đề và không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã viện dẫn trên.

Mặt khác, các Kết luận giám định của Tổ giám định của Ngân hàng Nhà nước chỉ giám định quá trình cho vay, hậu quả của việc cho vay và xác định trách nhiệm cá nhân của các cán bộ ngân hàng trong việc cho vay, còn đối với giá trị tài sản thế chấp thì Kết luận ngày 06/12/2017 (bút lục 22.912 – 22.918) nêu rõ: *“Đến thời điểm hiện tại, tài sản đảm bảo, giá trị tài sản đảm bảo chưa được xác định lại cụ thể; chưa được xử lý để bù đắp các khoản vay chi BIDV Bạc Liêu nên chưa xác định được giá trị thiệt hại. Tổ giám định tư pháp theo vụ việc không đủ điều kiện, chức năng để đánh giá về thiệt hại”*, nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của các luật sư đề cập các Kết luận giám định của Tổ giám định của Ngân hàng Nhà nước để cho rằng không có thiệt hại xảy ra.

[5] Như vậy, từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 5 năm 2013, mặc dù kinh doanh đang bị thua lỗ, không có khả năng thanh toán nợ vay, không đủ điều kiện để được giải ngân, nhưng vợ chồng Ngô Chí D – Lê Thị H vẫn cố ý thông qua việc điều hành Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu để chỉ đạo cho các đồng phạm: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Lê Tiến D<sup>1</sup> và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> thực hiện các hành vi gian dối như: Lập báo cáo tài chính từ lỗ thành lãi; dùng một hàng tồn kho (tôm đông lạnh) để thế chấp cho nhiều ngân hàng khác nhau; thế chấp máy phát điện nhưng đã bán (máy) cho người khác trước khi thế chấp; thành lập các công ty, hộ kinh doanh cá thể xuất hóa đơn giá trị gia tăng để sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng khống, hóa đơn giá trị gia tăng có giá trị chênh lệch cao hơn gấp nhiều lần so với giá trị thực của hóa đơn, sử dụng một hóa đơn để cung cấp cho nhiều ngân hàng làm căn cứ để được ngân hàng giải ngân, từ đó chiếm đoạt của 03 ngân hàng với tổng số tiền 67.052.227.915 đồng, trong đó: Chiếm đoạt của ABBANK Bạc

Liều 32.601.374.000 đồng, chiếm đoạt của ACB Cà Mau 20.517.892.600 đồng và chiếm đoạt của BIDV Bạc Liêu 13.932.961.315 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> và Lê Tiến D<sup>1</sup> phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của tất cả các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ<sup>1</sup> và Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>.

**[6]** Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của các ngân hàng, gây mất niềm tin của các tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp;

**[6.1]** Bị cáo Ngô Chí D phạm tội với vai trò là chủ mưu, chỉ huy toàn bộ các hành vi phạm tội, phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 67.052.227.915 đồng, nên bị cáo có vai trò cao nhất trong số các bị cáo trong vụ án. Bản án sơ thẩm có xem xét tình tiết giảm nhẹ gia đình bị cáo có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là phù hợp.

**[6.2]** Bị cáo Lê Thị H phạm tội cũng với vai trò là chủ mưu, chỉ huy, phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt là 53.119.266.000 đồng, bị cáo có vai trò chỉ đứng sau bị cáo Ngô Chí D. Bản án sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ: bị cáo bị bệnh, hạn chế khả năng nhận thức, gia đình bị cáo có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo Ngô Chí D là thỏa đáng.

**[6.3]** Bị cáo Nguyễn Thị U đứng tên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhưng thực chất là làm Thủ quỹ Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, đồng thời còn đứng tên hộ kinh doanh Nguyễn Thị U, đã ký các chứng từ kế toán, giúp sức tích cực cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có vai trò chỉ đứng sau bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, là phụ nữ có thai, gia đình bị cáo có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

**[6.4]** Bị cáo Huỳnh Hồng B đứng tên làm Phó Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu, đã lập các báo cáo tài chính không đúng sự thật, phân công cấp dưới thực hiện thủ đoạn gian dối để giúp sức tích cực cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo bị bệnh, hạn chế khả năng nhận thức làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và đã xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

**[6.5]** Bị cáo Nguyễn Thị S là Kế toán của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, đã lập các hóa đơn giá trị gia tăng không để giúp sức tích cực cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

**[6.6]** Bị cáo Đỗ Minh Đ là Kế toán của Công ty Minh Hiếu và là kế toán của hộ kinh doanh Nguyễn Thị U, hộ kinh doanh Ngô Chí D, đã lập các hóa đơn giá trị gia tăng không để giúp sức cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chiếm đoạt tiền của ngân hàng với số tiền 8.125.786.680 đồng, vai trò của bị cáo là hạn chế nhất trong số

các bị cáo. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo hình phạt thấp nhất so với các bị cáo khác là phù hợp với vai trò, tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo.

**[6.7]** Bị cáo Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> là Kế toán Trưởng của Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu, đã lập báo cáo tài chính không, chỉ đạo cấp dưới thực hiện thủ đoạn gian dối để giúp sức cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Bản án sơ thẩm đã xem xét gia đình bị cáo có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, là phù hợp.

**[6.8]** Bị cáo Lê Tiến D<sup>1</sup> đứng tên làm Phó Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng Công ty Minh Hiếu, đã lập các báo cáo tài chính không đúng sự thật, phân công cấp dưới thực hiện thủ đoạn gian dối để giúp sức tích cực cho bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Trong vụ án chỉ có bị cáo là người có thái độ khai báo thành khẩn nhất, tỏ ra ăn năn hối cải. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo bị bệnh, hạn chế khả năng nhận thức làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là và đã xử phạt bị cáo hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là phù hợp.

**[6.9]** Tuy các bị cáo phạm tội với 02 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên và số tiền chiếm đoạt là đặc biệt lớn, nhưng chủ yếu là do bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H chỉ huy, điều hành và thụ hưởng toàn bộ số tiền chiếm đoạt, các bị cáo còn lại phạm tội với vai trò là đồng phạm, chỉ là người làm công, phạm tội do bị lệ thuộc, không thụ hưởng số tiền chiếm đoạt, quá trình điều tra ban đầu đều đã khai báo đầy đủ hành vi của họ, Bản án sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo đã đảm bảo phân hóa phù hợp với vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng gì mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Lê Tiến D<sup>1</sup>.

**[7]** Ngoài Ngô Chí D và Lê Thị H, các thành viên sáng lập khác của Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu đều chỉ là người đứng tên hộ cho Ngô Chí D và Lê Thị H, thực tế họ không có góp vốn mà là do bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H là người điều hành, chỉ huy hai công ty, các hộ kinh doanh cá thể và chiếm hưởng toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các ngân hàng, còn các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ tuy có hành vi giúp sức cho Ngô Chí D và Lê Thị H, nhưng họ chỉ là người làm công ăn lương, không có thụ hưởng số tiền chiếm đoạt tiền của các ngân hàng; đồng thời, bị cáo Ngô Chí D, Lê Thị H đã lợi dụng các hợp đồng tín dụng giữa Công ty Minh Hiếu, Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu với các ngân hàng để chiếm đoạt tiền của các ngân hàng, nên Công ty Minh Hiếu và Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu cũng không phải là người chiếm đoạt tiền, vì vậy Bản án sơ thẩm không buộc Công ty Minh Hiếu, Công ty Minh Hiếu Bạc Liêu và các bị cáo: Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ<sup>1</sup>, Lê Tiến D<sup>1</sup> liên đới trách nhiệm với bị cáo Ngô Chí D và Lê Thị H trả lại số tiền chiếm đoạt của các ngân hàng là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận các kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này và do vậy, cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, kháng nghị yêu cầu tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo Nguyễn Thị U để đảm bảo thi hành án.

**[8]** Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra*”. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo trả lại tài sản bị chiếm đoạt mà không buộc trả tiền lãi là có cơ sở, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các ngân hàng yêu cầu buộc các bị cáo phải bồi thường tiền lãi.

**[9]** Đối với số tiền 3.063.471.865 đồng Ngô Chí D trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L là từ số tiền 11.135.000.000 đồng BIDV Bạc Liêu giải ngân trực tiếp vào tài khoản của Công ty Điện Lạnh Sài Gòn, sau khi khấu trừ số tiền mua hệ thống thiết bị lạnh là 8.071.528.135 đồng, còn lại số tiền 3.063.471.865 đồng thì bị cáo Ngô Chí D khấu trừ nợ cá nhân cho ông L, nên có căn cứ để xác định số tiền 3.063.471.865 đồng là vật chứng của vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì phải buộc ông Huỳnh Văn L nộp lại số tiền 3.063.471.865 đồng để hoàn trả lại cho BIDV Bạc Liêu; đồng thời khấu trừ trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Ngô Chí D đối với BIDV Bạc Liêu. Như vậy, bị cáo Ngô Chí D chỉ còn phải trả cho BIDV Bạc Liêu là 10.869.489.450 đồng (13.932.961.315 đồng - 3.063.471.865 đồng). Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của BIDV, sửa Bản án sơ thẩm về phần này.

**[10]** Đối với việc người đại diện hợp pháp của ABBANK xác định ABBANK đã nhận 48.000.000.000 đồng từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (viết tắt Công ty ABBA) để khấu trừ nợ vay cho Công ty Minh Hiếu, nên Công ty Minh Hiếu chỉ còn nợ ABBANK tiền gốc 21.558.720.000 đồng, không phải là 32.601.374.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy: Thửa đất số 742 và tài sản trên đất không bị kê biên trong vụ án này, các bên đang có tranh chấp việc mua - bán tài sản thế chấp (Thửa đất số 742 và tài sản trên đất) giữa Công ty Minh Hiếu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (viết tắt Công ty ABBA) đã được xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, các bên đã có kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 08/2023/QĐ-PT ngày 30/5/2023 tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án. Do đó, chưa có đủ căn cứ để xác định Công ty Minh Hiếu chỉ còn nợ ABBANK 21.558.720.000 đồng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ABBANK, nên không có căn cứ để sửa Bản án sơ thẩm về phần này.

**[11]** Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của tất cả các bị cáo và lời bào chữa của các luật sư; Không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Không chấp nhận kháng cáo của ABBANK và ACB; Chấp nhận một phần kháng cáo của BIDV, sửa Bản án sơ thẩm đối với phần xử lý số tiền 3.063.471.865 đồng mà bị cáo Ngô Chí D đã trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có một phần phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên chấp nhận một phần.

[12] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tiếp tục duy trì Lệnh kê biên 04 xe ô tô do Nguyễn Anh T đứng tên; Tiếp tục quản lý 110.400.000 đồng, 02 tờ giấy bạc mệnh giá 100 USD/tờ và 26 tờ giấy bạc mệnh giá 02 USD/tờ của bị cáo Ngô Chí D; Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa 02 tài khoản và 01 sổ tiết kiệm số dư 591.644.519 đồng của bị cáo Nguyễn Thị U, để đảm bảo thi hành án; Tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước 03 máy tính xách tay, 02 CPU máy vi tính, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Ngô Chí D, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Lê Thị H (Các sim số thì tịch thu tiêu hủy); về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Lê Tiến D<sup>1</sup>; Không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần xử lý số tiền 3.063.471.865 đồng mà bị cáo Ngô Chí D đã trả nợ cá nhân cho ông Huỳnh Văn L.

2.1. Tuyên bố các bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup>, Đỗ Minh Đ và Lê Tiến D<sup>1</sup> phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2.1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 34; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Ngô Chí D** tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020 và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm n khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 18 (*mười tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

**2.1.3.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm p điểm l khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị U 12** (*mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019.

**2.1.4.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm n khoản 1 Điều 46; Điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hồng B 11** (*mười một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 05/12/2020 đến ngày 28/3/2022.

**2.1.5.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị S 08** (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.1.6.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh Đ 04** (*bốn*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.1.7.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46; Điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> 06** (*sáu*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 16/11/2019.

**2.1.8.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lê Tiến Đ<sup>1</sup> 07** (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ trước, từ ngày 03/12/2021 đến ngày 06/12/2021.

## **2.2.** Về trách nhiệm dân sự:

**2.2.1.** Buộc bị cáo Ngô Chí D hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 10.869.489.450 đồng (*Mười tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi đồng*).

**2.2.2.** Buộc bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình Việt Nam số tiền 32.601.374.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*). Trong đó, mỗi bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H phải trả 16.300.687.000 đồng (*Mười sáu tỷ ba trăm triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng*)/bị cáo.

**2.2.3.** Buộc bị cáo Ngô Chí D và bị cáo Lê Thị H liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu Việt Nam số tiền 20.517.892.600 đồng (*Hai mươi tỷ năm trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm đồng*). Trong đó, mỗi bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H phải trả 10.258.946.300 đồng (*Mười tỷ hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm đồng*)/ bị cáo.

**2.4.** Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

**2.4.1.** Buộc ông Huỳnh Văn L giao trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 3.063.471.865 đồng (*Ba tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn tám trăm sáu mươi lăm đồng*).

**2.4.2.** Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị U gồm: 02 chiếc vòng đeo tay kim loại màu vàng, có đính đá là vàng thật, loại 18K; 01 lắc tay kiểu xích kim loại màu vàng là vàng thật, loại vàng 24K; 05 chiếc nhẫn đeo tay kim loại màu vàng, đính đá màu trắng là vàng thật; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, dạng tròn trơn là vàng thật, loại 24K; 02 chiếc bông đeo tai kim loại màu vàng là vàng thật, loại 18K; 01 sợi dây chuyền đeo cổ kim loại màu vàng là vàng thật, loại 18K; 01 chiếc vòng đeo cổ kim loại màu vàng, kiểu hột châu tròn là vàng thật, loại vàng 18K; 02 chiếc vòng đeo tay kim loại màu vàng là vàng thật, loại vàng 18K; 02 dây đeo tay kim loại; 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình tượng Phật là vàng thật, loại vàng 18K; 01 nhẫn kim loại màu trắng, có đính đá màu trắng là vàng thật, loại vàng trắng Ý; 02 nhẫn kim loại màu vàng, có đính đá là vàng thật, loại vàng 18K; 02 nhẫn kim loại màu vàng không đính đá là vàng thật, loại vàng 24K; 02 chiếc bông đeo tai kim loại màu vàng, đính đá màu trắng là vàng thật, loại vàng 18K (*vật chứng đang được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; Trọng lượng và tuổi vàng được xác định cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2017 – bút lục số 27168, 27169*);

**3.** Mỗi bị cáo: Ngô Chí D, Lê Thị H, Nguyễn Thị U, Huỳnh Hồng B, Nguyễn Thị S, Đỗ Minh Đ, Lê Tiến D<sup>1</sup>, Huỳnh Thanh Đ<sup>1</sup> phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*)/bị cáo.

**4.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tiếp tục duy trì Lệnh kê biên 04 xe ô tô do Nguyễn Anh T đứng tên; Tiếp tục quản lý 110.400.000 đồng, 02 tờ giấy bạc mệnh giá 100 USD/tờ và 26 tờ giấy bạc mệnh giá 02 USD/tờ của bị cáo Ngô Chí Dũng; Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa 02 tài khoản và 01 sổ tiết kiệm số dư 591.644.519 đồng của bị cáo Nguyễn Thị U, để đảm bảo thi hành án; Tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước 03 máy tính xách tay, 02 CPU máy vi tính, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Ngô Chí D, 01 điện thoại di động (bên trong có gắn sim số) của bị cáo Lê Thị H (Các sim số thì tịch thu tiêu hủy); về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Mạnh Cường**

**Nguyễn Văn Minh**

**Phạm Văn Công**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các Sở Tư pháp tỉnh: Lào Cai, Kiên Giang, Bến Tre, Bạc Liêu;
- Công an tỉnh Bạc Liêu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu;  
(Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu tổng đạt cho bị cáo bị tạm giam);
- Các bị cáo tại ngoại;
- Bị hại, người có QLNV liên quan;
- Lưu: HS, VP, NTHN ( b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**